

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 6- 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thu Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989 – Có mặt

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn G**, sinh năm 1985– Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2014 xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh G không có công ăn việc làm ổn định, vay tiền đi buôn bán gỗ keo nhưng không chịu làm ăn, mang tiền đi đánh bạc, gia đình khuyên can nhiều lần nhưng không được. Tới năm

2017, do thua lỗ, nợ xã hội nhiều nên anh G đã đi ra ngoài địa phương để làm ăn, thi thoảng mới về thăm nhà rồi lại đi. Tuy nhiên, anh G đi làm gì, ở đâu, kiếm được bao nhiêu tiền vợ con không hề biết, anh G cũng không gửi tiền về để nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn TA sinh ngày 01/01/2009 và Nguyễn NA sinh ngày 01/8/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung và chưa yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, chị có chỗ ở, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn G theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn G không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định; do vậy, Tòa án không xác định được lời khai của anh Nguyễn Văn G và không tiến hành hòa giải được.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của đương sự về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác định: Sau khi kết hôn anh G và chị M chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện DH, tỉnh TN. Thời gian đầu sống cùng bố mẹ chồng, từ năm 2011 hai vợ chồng đã ra ở riêng. Khoảng năm 2017 anh G có đầu tư làm ăn, mua rừng keo để khai thác, có vay tiền của bạn bè xã hội, nhưng sau đó làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ nên anh G phải đi ra ngoài địa phương để làm ăn, thi thoảng mới về, tuy nhiên anh G làm công việc gì, ở đâu thì gia đình không ai biết.

[4]. Tại các đơn đề nghị đề ngày 21/3/2022, con chung của các đương sự là Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Ngọc Anh đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn TA sinh ngày 01/01/2009 và Nguyễn NA sinh ngày 01/8/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị M chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn G theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh Nguyễn Văn G không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn G vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn G.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh G làm ăn bị thua lỗ, nợ nần phải đi khỏi địa phương từ năm 2017 đến nay ít khi ở nhà, từ khi đi ra ngoài làm ăn anh G làm gì ở đâu, thu nhập ra sao gia đình, vợ con không hề biết, chị M xác định anh G không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho

đến nay, mặc dù anh G đã nhận được và biết được thông tin Tòa án nhiều lần triệu tập và thông báo mở phiên hòa giải, nhưng anh G không có mặt và cũng không có lý do, chứng tỏ anh G không còn mong muốn níu giữ cuộc hôn nhân giữa anh và chị M.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M là có cơ sở chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn G là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn TA sinh ngày 01/01/2009 và Nguyễn NA sinh ngày 01/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, hiện chị M có chỗ ở, có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập được lời khai, quan điểm của anh G về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao 02 con chung là Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Ngọc Anh cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao 02 con chung là Nguyễn TA sinh ngày 01/01/2009 và Nguyễn NA sinh ngày 01/8/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Nguyễn Văn G vì chị Nguyễn Thị M chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005280 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị M, vắng mặt anh Nguyễn Văn G. Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Huy Bắc